

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/11/2019

V/v Ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Triệu Khánh Long

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Đem - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vưu Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: ấp B, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Ông Bạch Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm Châu K, phường H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vưu Thị Mỹ H trình bày: Vào năm 1996 bà H và ông Bạch Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng đến năm 2010 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205, quyển số 01, ngày 05/10/2010. Sau cưới bà H về làm dâu bên nhà chồng tại ấp B, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Châu, chung sống đến năm 2010 thì vợ chồng bà H cất nhà ra riêng để ở cặp bên nhà cha mẹ chồng, đến năm 2015 thì vợ chồng chuyển nhà về ở tại Khóm Châu K, phường H, thị xã Vĩnh Châu. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng dần phát hiện cả hai không cùng quan điểm, không hợp tính tình do ông H ham mê rượu chè không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con nên thường xảy ra mâu thuẫn với nhau, từ năm 2010 thì bà H đi làm công ở Thành phố Hồ Chí Minh để gởi tiền về nuôi con,

nhưng ông H lại ghen tuông mắng chửi, nhục mạ làm mất danh dự bà, việc làm của ông H khiến cho vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn với nhau và ngày càng trầm trọng hơn cũng từ năm 2010 thì vợ chồng cũng đã ly thân cho tới nay. Trong quá trình chung sống với nhau bà H và ông H có với nhau 04 đứa con chung gồm Bạch Công D, sinh năm 1997 (Nam); Bạch Công M, sinh năm 2000 (Nam); Bạch Công N, sinh ngày 28/11/2001 (Nam); Bạch Công Q, sinh ngày 10/9/2005 (Nam). Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận với nhau.

Nay bà H nhận thấy hạnh phúc gia đình đã tan vỡ không thể hàn gắn lại được, không còn thương yêu nhau nữa do đó yêu cầu Tòa giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H. Về con chung Bạch Công D, sinh năm 1997 (Nam); Bạch Công M, sinh năm 2000 (Nam); Bạch Công N, sinh ngày 28/11/2001 (Nam) đã trưởng thành có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với Bạch Công Q, sinh ngày 10/9/2005 thì bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng thời ông H cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H, giao con chung Bạch Công Q, sinh ngày 10/9/2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu Q khi cha mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Bạch Công D, sinh năm 1997 (Nam); Bạch Công M, sinh năm 2000 (Nam); Bạch Công N, sinh ngày 28/11/2001 (Nam) đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vưu Thị Mỹ H, nhận thấy bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau năm 1996 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205, quyền số 01, ngày 05/10/2010. Quan hệ hôn nhân của bà H và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp

pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do làm ăn thất bại, ông Hở ham mê rượu chè, có tính ghen tuông vô cớ, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Bà H nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có nguyện vọng ly hôn. Bà H và ông H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà H suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà H và ông H có 04 người con chung gồm Bạch Công D, sinh năm 1997 (Nam); Bạch Công M, sinh năm 2000 (Nam); Bạch Công N, sinh ngày 28/11/2001 (Nam) đã trưởng thành có khả năng tự lao động để nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với Bạch Công Q, sinh ngày 10/9/2005 bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung và cũng theo nguyện vọng của cháu Bạch Công Q, nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Q không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà H. Tại phiên Tòa, bà H không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, bà H hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày là tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà Vưu Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vuur Thị Mỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vuur Thị Mỹ H được ly hôn với ông Bạch Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Bạch Công Q, sinh ngày 10/9/2005 (nam) cho bà Vuur Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Quý đủ 18 tuổi. Ông Bạch Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bạch Công Q của bà Vuur Thị Mỹ H thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Đối với con chung Bạch Công D, sinh năm 1997 (nam); Bạch Công M, sinh năm 2000 (nam); Bạch Công N, sinh ngày 28/11/2001 (nam) đã trưởng thành có khả năng tự lao động để nuôi sống được bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày là để tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Vuur Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007949, ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Bạch Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã H, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng